TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23-4-2020
V/v ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thân;

2. Ông Trần Văn Tảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Vịnh-Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 655/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1991; cư trú tại: Tổ m, ấp n, xã p, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Trương Văn C**, sinh năm 1985; cư trú tại: Tổ m, ấp n, xã p, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Văn C chung sống vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, anh C không quan tâm đến gia đình, vợ con. Mâu thuẫn kéo dài 02 năm và chị đã gửi

đơn ly hôn đến Tòa án vào năm 2019. Tòa án động viên nên chị đã rút đơn. Nhưng anh C không thay đổi tính tình mà còn đi làm ăn xa, không đưa tiền về cùng chị chăm sóc con cái. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Trương Nguyễn Thảo M1, sinh ngày 05/12/2009 và Trương Thị Phương M2, sinh ngày 08/02/2014 đang sống với chị T. Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trương Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị Bích T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Anh Trương Văn C được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIV) đề nghị:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khở i kiện của chị Nguyễn Thị Bích T, chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Trương Văn C.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Bích T trực tiếp trông nom , chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Trương Nguyễn Thảo M1, sinh ngày 05/12/2009 và Trương Thị Phương M2, sinh ngày 08/02/2014, ghi nhận chị Nguyễn Thị Bích T tự nguyện không yêu cầu anh Trương Văn C cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị Bích T đã có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Trương Văn C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn

vắng mặt nên căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh C.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Trương Văn C chung sống vợ chồng vào năm 2008 có đăng ký kết hôn , hôn nhân do tự nguyện . Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T yêu cầu được ly hôn với anh C với lý do : Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc từ năm 2017, do anh C không quan tâm, chăm sóc gia đình . Xét thấy cuộc sống vợ chồng chị T và anh C đã không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, anh C không quan tâm, chăm sóc gia đình phù hợp với các chứng cứ thu thập được tại địa phương. Do đó căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình c ần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T, chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Trương Văn C.

[3] Về con chung: Hiện nay, chị Nguyễn Thị Bích T đang trực tiếp trông nom, chăm sóc , giáo dục và nuôi dưỡng cháu Trương Nguyễn Thả o M1, sinh ngày 05/12/2009 và Trương Thị Phương M2, sinh ngày 08/02/2014. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu Trương Nguyễn Thảo M1 (trên 7 tuổi) nên cần chấp nhận. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Bích T tự nguyện không yêu cầu anh Trương Văn C cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIV).

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIV):

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T, chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Trương Văn C.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng c háu Trương Nguyễn Thảo M1, sinh ngày 05/12/2009 và Trương Thị Phương M2, sinh ngày 08/02/2014, ghi nhận chị Nguyễn Thị Bích T tự nguyện không yêu cầu anh Trương Văn C cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Trương Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Nguyễn Thị Bích T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Trương Văn C không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích T chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do chị T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006976 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt nên thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Phòng KTrNV-THA, TANDTTN;
- VKS huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (O).,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Oanh –Đã ký